TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 – 6 - 2019
V/v tranh chấp "Ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Trần Như Học.

+ Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1981 (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Trần Thanh L**,** sinh năm 1980 (có mặt).

Cùng hộ khẩu thường trú: Khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Cùng nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị V trình bày yêu cầu:*

- Về hôn nhân: Năm 2001, bà Vvà ông L qua mai mối nên đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng đến nay vẫn không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông L có quan hệ và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác nên bà Vvà ông L thường xuyên xảy ra cự cãi dẫn đến xô

sát. Vợ, chồng sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Trong thời gian ly thân, gia đình có hòa giải hàn gắn hôn nhân nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân tiếp tục duy trì cũng không hạnh phúc nên bà Nguyễn Thị Vyêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh L.

- Về nuôi con chung: Có 02 người con;

- Trần Huệ T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2003 (nữ)

- Nguyễn Triệu P, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2008 (nam).

Hiện nay hai người con đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận việc nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ thu và nợ trả: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại Bản tự khai ngày 14/6/2019, bà Vtrình bày:*

- Về nuôi con chung: Có 02 người con tên Trần Huệ T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2003, Nguyễn Triệu P, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2008 (nam).

Hiện nay hai người con đang sống chung với bà V. Khi ly hôn, bà V yêu cầu nuôi hết hai người con chung, việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với ông Trần Thanh L:* Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông L không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Vyêu cầu ly hôn, nuôi con chung, về tài sản chung và công nợ. Đồng thời, Tòa án đã tống đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông L vắng mặt 02 lần không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Bà Vvẫn bảo lưu quan điểm nêu trên, yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh L, yêu cầu nuôi dưỡng hết hai người con; việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông L đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị V, đồng ý giao hết hai người con cho bà Vnuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 4 năm 2019, bà Nguyễn Thị V yêu cầu ly hôn với ông Trần Thanh L, về nuôi con, tài sản chung và công nợ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại Bản tự khai ngày 14/6/2019, bà V yêu cầu nuôi hết hai người con chung, ngoài ra các vấn đề khác giữ nguyên theo

đơn khởi kiện ban đầu, xét tranh chấp giữa bà V và ông L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị V, ông Trần Thanh L qua mai mối và chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới gã theo phong tục tập quán địa phương từ năm 2001 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống giữa bà V và ông L xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bất do đồng quan điểm, ông L có quan hệ và chung sống như vợ chồng với người phụ nữ khác nên bà V, ông L thường xuyên xảy ra cự cải dẫn đến xô sát, hai đương sự đã sống ly thân từ năm 2008 đến nay. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài nên bà Vyêu cầu ly hôn với ông L, ông L đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử không thể công nhận sự thuận tình ly hôn giữa hai đương sự do hôn nhân của bà Vvà ông L không lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Do đó theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân của bà Nguyễn Thị Vvà ông Trần Thanh L không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Về nuôi con chung: có 02 người con;

- Trần Huệ T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2003 (nữ);

- Nguyễn Triệu P, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2008 (nam).

Đối với yêu cầu nuôi con mặc dù tại đơn khởi kiện (V/v xin ly hôn) ngày 25 tháng 4 năm 2019, bà Vcho rằng vợ chồng tự thỏa thuận việc nuôi con chung nhưng tại Bản tự khai ngày 14/6/2019 và tại phiên tòa bà Vyêu cầu nuôi hết hai người con. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi yêu cầu về nuôi con của bà Vẹn.

Hiện nay Huệ T và Triệu P đang sống chung với bà V. Khi ly hôn bà V yêu cầu nuôi hết hai người con, ông L đồng ý giao hai người con cho bà Vnuôi dưỡng. Sự thỏa thuận giữa ông L và bà Vphù hợp với nguyện vọng của Huệ T và Triệu P khi được Tòa án ghi lời trình bày vào ngày 28/5/2019. Hội đồng xét xử xét thấy, trong thời gian ly thân từ năm 2008 đến nay, cả hai người con đều chung sống với bà V, cuộc sống của các người con được đảm bảo nên ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự, tiếp tục giao hai cháu Huệ T và Triệu P cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng theo quy tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Các đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự*"Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó"*, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Nguyễn Thị V phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bà V được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 147, 220, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị V và ông Trần Thanh L.

2. Về nuôi con chung: Có hai người con;

- Trần Huệ T, sinh ngày 03 tháng 01 năm 2003 (nữ);

- Nguyễn Triệu P, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2008 (nam).

Hiện nay hai người con đang sống chung với bà Vẹn, khi ly hôn giao Huệ T và Triệu P cho bà Nguyễn Thị V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Việc cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng. Ngày 25 tháng 4 năm 2019, bà Vđã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu ti ền số 0016443 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N được đối trừ, bà V không phải nộp thêm tiền án phí.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền